ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:937/QĐ-UBND	*Phú Yên, ngày 05 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-BNNMT ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1667/QĐ-BNNMT ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 291/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường *(có các Phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế các thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật đã được công bố tại Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm Quyết định số:937/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

II. CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện	Trồng trọt	Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện

III. CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn xã	Trồng trọt	Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp xã

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. CẤP TỈNH

1. Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

1.1 Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Báo cáo tình hình sinh vật gây hại

Căn cứ điều kiện công bố dịch hại thực vật quy định tại Điều 4 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình dịch hại, các số liệu thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch.

b) Bước 2: Quyết định công bố dịch hại thực vật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định công bố dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật và báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến. Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường làm Phó Chủ tịch, thành viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét báo cáo của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố dịch, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch.

c) Bước 3: Công bố Quyết định

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công bố dịch, thực hiện thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương Quyết định công bố dịch; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

1.3. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

b) Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

c) Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

1.4. Số lượng hồ sơ: Không quy định.

1.5. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố.

1.7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.8. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố dịch hại theo mẫu Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

1.10. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);
- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);
- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

1.12. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Công bố dịch hại thực vật trong trường hợp: Khi sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

b) Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau:

- Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật;
- Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhưng chưa đạt hiệu quả, phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch.

c) Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ

Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

1.13. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;

b) Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

c) Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

2. Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch

Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Bước 2: Quyết định công bố hết dịch hại thực vật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định công bố hết dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

c) Bước 3: Công bố Quyết định

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định công bố hết dịch, thực hiện thông báo công khai Quyết định trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

b) Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã / huyện/ tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố dịch hại theo mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

2.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

b) Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì người có thẩm quyền công bố dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quyết định công bố hết dịch.

2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

b) Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

c) Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

3. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.

b) Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; thời gian ban hành trước 30 tháng 11 năm trước của năm kế hoạch.

3.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

3.4. Thời hạn giải quyết: Ban hành Kế hoạch trước 30 tháng 11 năm trước của năm kế hoạch.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp tỉnh.

3.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

3.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

4. Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

b) Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

c) Bước 3: Trong thời hạn chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để tổng hợp.

4.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

4.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

4.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu.

5. Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung

5.1. Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với quy hoạch.

5.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

5.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

5.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

5.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

5.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

5.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

5.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Trồng trọt năm 2018.

6. Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa

6.1. Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh xác định, công bố vùng và hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.

6.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.

6.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Trồng trọt năm 2018.

7. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.

b) Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; thời gian ban hành trước ngày 15 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.

7.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Dự thảo kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.

7.4. Thời hạn giải quyết:Ban hành Kế hoạch: Trước ngày 15 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

7.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

7.9. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

7.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

7.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

7.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

8. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã

8.1. Trình tự thực hiện:

Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và nhu cầu chuyển đổi của người sử dụng đất trồng lúa; Uỷ ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi trên địa bàn xã trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị

định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

8.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

8.4. Thời hạn giải quyết: Trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Uỷ ban nhân dân cấp xã.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

8.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục 1
Tờ trình đề nghị công bố dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày ..... tháng .....năm 20.....*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị công bố dịch *(tên dịch hại)*.....**trên** *(tên cây trồng)*.....
trên địa bàn ……

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

Nội dung tờ trình gồm 3 phần như sau:
Phần 1: Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.
Phần 2: Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất (trong đó có các phương án chống dịch khả thi).
Phần 3: Kiến nghị cấp trên (hỗ trợ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện việc chống dịch hiệu quả).
(Đính kèm Báo cáo tình hình dịch hại thực vật đề nghị công bố dịch tại địa phương của Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi)
Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và ra quyết định./.

Nơi nhận: - Như trên; ... - Lưu:	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày ..... tháng .....năm 20.....*

BÁO CÁO

Tình hình *(tên sinh vật gây hại)* …. *(tên cây trồng)* …. **trên địa bàn** ……..

(Kèm theo Tờ trình số .... Ngày .... của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI

1. Thời tiết (tỉnh/vùng): Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.

2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển

Báo cáo tổng diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại.

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thống kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 2 năm trước liền kề (bảng thống kê kèm theo)

II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo đã thực hiện

(Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện)

2. Kết quả phòng trừ.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch

Gồm: Giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng; Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng; Yếu tố thời tiết; Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh; Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh); Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.

2. Dự kiến :

- Diện tích nhiễm, mức gây hại của dịch hại trong thời gian tới;
- Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;
- Địa điểm bùng phát dịch hại;
- Khả năng gây thiệt hại năng suất (%).

Nơi nhận: - Như trên; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; - Trung tâm TTTV vùng; - ..... - Lưu: VT, ...	**GIÁM ĐỐC** *(ký tên, đóng dấu)*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHIỄM

(tên dịch hại) …… hại (tên cây trồng) …….

Đến ngày ……. tháng…….. năm …

(Kèm theo Tờ trình số :... ngày... tháng ... năm... của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tỉnh/Huyện/ Xã	*Giai đoạn sinh trưởng của cây trồng*	Diện tích nhiễm (ha)									Diện tích nhiễm dự kiến (ha)	Ghi chú
			Tổng số			Nặng			Mất trắng				
			Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liền kề (ha) *	So với TB 02 năm trước liền kề (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liền kề (ha)	So với TB 02 năm trước liền kề (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liền kề (ha)	So với TB 02 năm trước liền kề (%)		

( )Tổng diện tích nhiễm của 02 năm liền kề chia trung bình*

Phụ lục 3
Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*……., ngày …… tháng …… năm 20…..*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố dịch *(tên dịch hại)*….. **hại** *(tên cây trồng)* …. **trên địa bàn** *(xã/huyện/tỉnh)* ……..…

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Các căn cứ Pháp lý;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: ... ngày ... tháng ... năm ....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố dịch (tên dịch hại)……. hại (tên cây trồng) …….. trên phạm vi (xã/huyện/tỉnh)..... từ ngày .....

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) *Một số nội dung tham khảo:*

- Khẩn trương thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành khi có công bố dịch. Báo cáo thường xuyên về diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả chỉ đạo chống dịch;

- Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí chống dịch; bố trí kinh phí đầy đủ để tổ chức chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất;

- Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại ... và biện pháp chống dịch. **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3; - Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; …. - Lưu:.	**CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 4
Tờ trình đề nghị công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày ..... tháng .....năm 20.....*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị công bố hết dịch *(tên dịch hại)*.....**hại** *(tên cây trồng)*.....
trên địa bàn ……

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

Nội dung Tờ trình gồm 3 phần chính:
Phần 1: Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.
Phần 2: Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất.
Phần 3: Kiến nghị cấp trên.
(Đính kèm báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Chi cục Bảo vệ thực vật/ Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)
Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch phê duyệt và ra quyết định./.

Nơi nhận: - Như trên; ... - Lưu:	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 5
Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*……., ngày …… tháng …… năm 20…..*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố hết dịch *(tên dịch hại)* ……. **hại** *(tên cây trồng)* …….. **trên địa bàn** *(xã/huyện/tỉnh)* ……

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Các căn cứ Pháp lý;

Căn cứ khả năng và tình hình thực tế của (tên dịch hại)……hại (tên cây trồng) ……. hiện nay trên địa bàn toàn (xã, huyện, tỉnh)

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: …. ngày ...tháng ... năm ....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố hết dịch *(tên dịch hại)*…trên phạm vi … từ (thời gian) …… **Điều 2.** Giao các sở, ban, ngành (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm: *Một số nội dung tham khảo:*

- Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quyết định công bố hết dịch;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch hại trên đồng ruộng, thực hiện các biện pháp phòng, trừ, ngăn ngừa sự bùng phát trở lại của dịch hại;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc dự báo dịch hại, duy trì chế độ báo cáo; báo cáo ngay khi dịch có nguy cơ bùng phát trở lại.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3; - Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; …. - Lưu.	**CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phụ lục 6

MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*……., ngày …… tháng …… năm 20…..*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm …

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm ...của Ủy ban nhân dân ... quy định về chức năng, nhiệm vụ của tỉnh ...;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị ....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm …".

(Bản kế hoạch kèm theo)

Điều …

Điều …

Nơi nhận:	**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ** **…** *… (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

KẾ HOẠCH
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM …
(Kèm theo Quyết định số… /QĐ-UBND ngày … tháng… năm …
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Đơn vị tính:ha

STT	Huyện	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		…
				lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	Tổng số					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
	Trong đó:					
1	**Huyện A**					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
2	**Huyện B**					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
3	**Huyện ….**					
…	…..					

Phụ lục 7

MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*……, ngày …… tháng …… năm 20…..*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm …

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ/THỊ XÃ…

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm ...của Ủy ban nhân dân ... quy định về chức năng, nhiệm vụ của huyện ...;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ...tháng ...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-... của Ủy ban nhân dân tỉnh ...về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm...;

Theo đề nghị ....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm …".

(Bản kế hoạch kèm theo)

Điều …

Điều …

Nơi nhận:	**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ** **…** *… (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

KẾ HOẠCH
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM …

(Kèm theo Quyết định số… /QĐ-UBND ngày … tháng… năm …
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã…)

Đơn vị tính:ha

STT	Xã/phường/thị trấn	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		…
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	Tổng số					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
	Trong đó:					
1	**Xã/phường/thị trấn A**					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
2	**Xã/phường/thị trấn B**					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
3	**Xã/phường/thị trấn ...**					
…	…					

Phụ lục 8

MẪU KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày ... tháng ... năm ...*
Số …/KH …	

KẾ HOẠCH

CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM …

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng năm ... của Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã ...về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...

Căn cứ vào nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã/phường/thị trấn.

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa năm …. như sau:

STT	**Loại cây trồng/ thủy sản chuyển đổi**	**Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)**				**Thời gian chuyển đổi**	**Số thửa**	**Tờ bản đồ số**
		Tổng diện tích	**Đất chuyên lúa**	**Đất trồng lúa còn lại**				
				Đất lúa 01 vụ	**Đất lúa nương**			
I	Trồng cây hàng năm							
	…							
II	Trồng cây lâu							

	năm							
	…							
III	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản							
	…							